

Bản án số: 35/2020/HS-ST
Ngày 27-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huy Huân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quang

2. Ông Trần Quyết Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2020/TLST-HS ngày 10/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HS ngày 14/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn T, sinh ngày 23/12/1985, tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: thôn P, Vàng Vắn T2, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Chính P, sinh năm 1947 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1957; có vợ là Lừu Thị H4, sinh năm 1986, có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt

2. Mua Sào H, sinh ngày 10/5/1994, tại huyện V, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mua T2 H (đã chết) và bà Vừ Thị M (đã chết); có vợ là Hạ Thị T, sinh năm 1992, có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/02/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt

3. Lò Sào N, sinh ngày 01/01/1967, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Thìn S (đã chết) và bà Mua Thị D (đã chết); có vợ là Vàng Thị D, sinh năm 1972, có 03 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/6/2020 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt

Người bào chữa cho các bị cáo Trương Văn T; Mua Sào H: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Lò Sào N: Bà Nguyễn Thị H2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt

Người làm chứng: Vàng Văn P; Mua Sào S; Vàng Thị D; Ly Văn H3; Lò Mí P1; Mua Sào P2; Mua Sào L; Dừng Hoà D2; Lừ Thị H4 có mặt.

Hầu Di D3; Lò Mí D4; Sùng Quang D5; Lò Sen T vắng mặt không lý do. Vàng Minh L1; Lò Chấn H5; Sùng Chấn N1 vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch tiếng H'Mông: Bà Sùng Thị M - tổ, phường Q, Thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Trương Văn T, sinh năm 1985, trú tại thôn P, Vàng Văn T2, tỉnh Hà Giang; Mua Sào H, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang; Lò Sào N, sinh năm 1967, trú tại thôn N, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang đi làm thuê ở Trung Quốc cho một người tên Lùng Chúng D6 (*không biết tuổi, địa chỉ cụ thể*). Quá trình làm thuê D6 thỏa thuận với Trương Văn T, Lò Sào N, Mua Sào H về Việt Nam tìm người sang Trung Quốc làm thuê sẽ được trả tiền công cao hoặc việc làm nhẹ hơn (*đối với H, D6 chỉ hứa hẹn sẽ nhận được công việc nhẹ nhàng hơn so với những người lao động khác*). D6 thống nhất với Trương Văn T khi tìm được người sang Trung Quốc làm thuê thì T có trách nhiệm đón từ thị trấn P, huyện Đ vào nhà T ăn, nghỉ trong khi chờ ô tô của D6 đến biên giới Trung Quốc - Việt Nam đón, D6 trả tiền công đưa đón là 30 nhân dân tệ tiền Trung Quốc (viết tắt là NDT)/1 người, đồng người phải thuê ô tô sẽ trả 300NDT/1 chuyến, tiền ăn nghỉ T cứ cộng vào rồi cuối năm D6 sẽ thanh toán. Trong hai năm 2018, 2019 các bị cáo đã tổ chức nhiều lần cho nhiều người qua mốc 379 thuộc địa phận thôn P, Vàng Văn T2, tỉnh Hà Giang đi Trung Quốc làm thuê công việc là đào hố, trồng cây, tiền công nhận được là 100 NDT/1 ngày, nếu đi thì sẽ được ứng trước khoảng 1.000 NDT đến 2.000 NDT cụ thể như sau:

*** Đối với bị cáo Mua Sào H và bị cáo Trương Văn T**

Lần thứ 1: Ngày 16/01/2018 (*âm lịch*) Mua Sào H đưa 06 người: Mua Sào P2 (*anh trai của H*), Hạng Văn D7 (*anh trai vợ H*), Sùng Di C, Vàng Văn P, Vàng Thị L2 (*vợ Phủ*), Vàng T2 H (*con Phủ*) đều là người cùng thôn với H. Đến thị trấn P, huyện Đ, H gọi điện cho Trương Văn T đến đón, T gọi cho Dừng Hòa D2 thuê ô tô 16 chỗ đón số người trên vào nhà bị cáo T, tiền xe là 50.000^d/1 người (*Sau đó Lùng Chúng D6 gửi tiền cho Lùng Dẻo X, là chú của Lùng Chúng D6 nhà ở bên Trung Quốc giáp gần biên giới Trung Quốc - Việt Nam, đem đến nhà T đưa cho T 300NDT tiền công đưa đón người*). Bị cáo T cho số người này ăn, nghỉ 01 đêm, đến sáng hôm sau H đưa toàn bộ số người này đi bộ vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê rồi nhận từ Lùng

Chúng D6 3000NDT tiền ứng trước, bị cáo H đem về cho gia đình anh C ứng 1.000 NDT, gia đình anh P2 ứng 2.000 NDT.

Lần thứ 2: Khoảng cuối tháng 01/2018 (âm lịch) H đưa **03** người gồm: Mua Sào L (anh trai H), Vàng Văn T2, Mua Sào S (anh trai H) đều là người cùng thôn lên xã P, huyện Đ, sau đó gọi điện cho Trương Văn T đến đón, T cùng vợ là Lừu Thị H4 đón với tiền công 50.000đ/1 người từ thị trấn P đến nhà T ở thôn Phố Là B, xã P, huyện Đ (Sau đó Lùng Chúng D6 gửi tiền cho Lùng Dẻo X đem đến nhà T đưa cho T 90NDT tiền công đưa đón người). Số người này ăn, nghỉ nhà T 01 đêm, sáng hôm sau H cùng toàn bộ nhóm người này vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê và nhận tiền công lao động được ứng trước của những người này 6.000 NDT đưa về cho các gia đình anh Mua Sào L ứng 3.000 NDT, anh Mua Sào S ứng 2.000 NDT, T2 ứng 1.000 NDT.

Lần thứ 3: Khoảng giữa tháng 2/2018 (âm lịch) bị cáo Mua Sào H đưa 04 người gồm: Sùng Quang C2 ở B, xã M, huyện Y; Vàng Văn D8 ở thôn K, xã Q, huyện Q và Hạng Văn D7 ở Làng T, xã T, huyện Q (hiện cả C2, D7 và D8 đều không có mặt ở địa phương), Vàng Minh L1 ở P, xã T, huyện Y đi đến nhà Trương Văn T. Cùng ngày T đưa 04 người này vượt biên giới sang Trung Quốc (Sau đó Lùng Chúng D6 gửi tiền cho Lùng Dẻo X đem tiền đến nhà T đưa cho T 120NDT tiền công đưa đón người).

Lần thứ 4: Khoảng cuối tháng 02/2018 (âm lịch) bị cáo Mua Sào H đưa 04 người gồm: Ly Văn H3, Lò Thị M1 (vợ Ly Văn H3) ở thôn L, xã T, huyện V; Hạng Dầu H6 ở thôn L, xã T, huyện Q; Hầu Dỉn P3 ở thôn T, xã M, huyện V đi lên thị trấn P, huyện Đ, H gọi điện cho Trương Văn T, rồi T gọi điện cho Dừng Hòa D2 đến đón và đưa mọi người vào nhà T (T thanh toán tiền xe cho Dừng Hòa D2 50.000đ/1 người, T tiếp tục được D6 trực tiếp trả 120NDT tiền xe). Tất cả ăn, nghỉ tại nhà T một đêm, sáng hôm sau T cùng số người này vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê, còn H nhận 10.000 NDT tiền công lao động từ người Trung Quốc rồi quay về Việt Nam trả cho người lao động, cụ thể: Mua Sào S ứng trước 2.000 NDT; Vàng Văn T2 1.500 NDT; Mua Sào P2 2.000 NDT; Mua Sào L 2.000 NDT; Hầu Dỉ P3 2.000 NDT, còn 500 NDT H chi tiêu vào việc cá nhân.

Lần thứ 5: Khoảng cuối tháng 3/2018 (âm lịch) bị cáo Mua Sào H đưa **01** người là Hầu Dỉ D3 ở cùng thôn với bị cáo lên thị trấn P, huyện Đ, đến nơi H gọi điện thoại cho Trương Văn T đón, do T không ở nhà nên gọi điện thoại cho vợ là Lừu Thị H4 ra đón vào nhà T ăn, nghỉ một đêm, sáng sớm hôm sau H đưa Dừng vượt biên giới đi sang Trung Quốc làm thuê.

Lần thứ 6: Khoảng một tháng sau Mua Sào H tiếp tục đưa **03** người gồm: Lò Mí P1, Lò Mí L3, Lò T2 Váng đều ở thôn L, xã T, huyện V lên thị trấn P, huyện Đ, do T đi vắng nên gọi cho vợ là Lừu Thị H4 đón hộ số người này vào nhà, H4 không đi đón được nên gọi cho Dừng Hòa D2 đi đón vào nhà T ăn, nghỉ một đêm. Đến sáng hôm sau, H đưa số người này vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê, rồi nhận tiền công lao động được ứng trước của người lao động là 5.000 NDT, sau đó H quay về Việt Nam đưa cho người nhà của những người đi lao động: Lò Mí P1; Lò Mí L3; Lò Thành V; Mua Sào P2; Hầu Dỉ D3 mỗi người 1.000 NDT.

Lần thứ 7: (không nhớ ngày) H tiếp tục quay về Việt Nam đưa **04** người gồm: C1, vợ của C1 ở xã N, huyện Q và L3, C (không biết họ tên đầy đủ) trú tại thôn K, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, lên đến thị trấn P, H gọi điện thoại thông báo cho vợ T (*do trước đó T đã dặn H gọi điện cho vợ T*), sau đó vợ T bảo Dừng Hòa D2 đến đón nhóm của H vào nhà T ăn nghỉ ngủ một đêm. Đến 4h sáng hôm sau H đưa 04 người này đi bộ vượt biên giới sang Trung Quốc. Lần này bị cáo Mua Sào H cũng đi làm, công việc của H là quản lý người lao động, chăm công và ghi theo dõi các khoản chi, ứng tiền của người lao động, để làm căn cứ thanh toán tiền công.

*** Đối với bị cáo Lò Sào N và bị cáo Trương Văn T**

Lần thứ 1: Khoảng tháng 01/2018 (*âm lịch*), bị cáo Lò Sào N đưa **10** người đi Trung Quốc làm thuê, gồm Vàng Thị D (vợ của N), Lò Chẩn H5 (con của N) trú cùng thôn với bị cáo và Lù Mí P3, Lù Mí L4, Lù Mí D4, Lù Mí T3, Sùng Mí L5, Lù Mí D9, Sùng Mí T4 đều ở thôn L, xã L, huyện Q và 1 người tên Đ ở xã Q, huyện Q (không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) lên thị trấn P, huyện Đ, N gọi điện cho Trương Văn T, rồi T gọi cho Dừng Hòa D2 sử dụng xe ô tô ra thị trấn P đón nhóm người của Lò Sào N đi vào nhà T (*lần này sau khi thanh toán tiền xe cho Dừng Hòa D2 50.000đ/1 người, T tiếp tục được Lùng Chúng D6 trực tiếp trả 300NDT tiền xe*), sau khi ăn ở nhà T xong, N đưa những người này đi bộ vượt biên giới sang đến đất Trung Quốc, tất cả lên xe ô tô do Lùng Chúng D6 bố trí sẵn để đi đến nơi lao động. Làm việc ở đây đến tháng 8/2018 thì N cùng vợ và những người lao động trên quay về Việt Nam.

Lần thứ 2: Đầu năm 2019, bị cáo Lò Sào N đưa **04** người đi Trung Quốc làm thuê, gồm Lò Thị D10 (vợ của N), Lò Thị M2 (*em gái N*); Sùng Chẩn N1 (*chồng Lò Thị M2*); Vàng Văn Q cùng trú tại thôn M, xã T, huyện Q. N gọi điện thoại cho Trương Văn T thuê T đến nhà N đón số người này đi Trung Quốc làm thuê với giá là 200.000đ/1 người, T đồng ý và điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 19N-1123 (*xe ô tô bị can Trương Văn T mượn của anh trai vợ T là Lừu Dĩ M3, khi đi có vợ T là Lừu Thị H4 đi cùng để học lái xe*) đến xã N, huyện Q đón nhóm của N lên nhà T, tất cả ăn nghỉ tại đây một tối, đến sáng hôm sau bị cáo Lò Sào N đưa số người này vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê cho Lùng Chúng D6.

*** Đối với bị cáo Trương Văn T ngoài những lần trên:** Tháng 02/2018 Trương Văn T đưa **03** người, cụ thể: Sùng Quang D5, Lù Sen T, Lù Sen H7, đều trú tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang lên thị trấn P, huyện Đ gọi điện cho Trương Văn T ra đón vào nhà T (*lần này T cũng thống nhất với người lao động giá đi xe là 50.000/1 người, sau đó T lại được Lùng Chúng D6 thanh toán 90NDT cho 03 người này*) ăn và nghỉ lại một đêm, sáng hôm sau T gọi điện cho Lùng Chúng D6 cho xe ô tô đến biên giới đón nhóm của D5 đi Trung Quốc làm thuê.

Cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 07/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Trương Văn T, Mua Sào H về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lò Sào N về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trương Văn T, Mua Sào H, Lò Sào N về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 08 đến 09 năm tù; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mua Sào H từ 07 đến 08 năm tù; đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Sào N từ 06 đến 07 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo Trương Văn T nộp để sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.108.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Về án phí: miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo Trương Văn T, Mua Sào H, Lò Sào N xác nhận diễn biến hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” là hoàn toàn đúng. Chỉ vì lợi ích cá nhân khi được D6 hứa hẹn trả công, được làm công việc nhẹ hơn so với những người khác, các bị cáo đã đưa nhiều người sang Trung Quốc làm thuê mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin được miễn án phí.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn T, Mua Sào H trình bày: Nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, điều luật đã truy tố. Tuy nhiên, hai bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cả hai bị cáo đều tự thú về hành vi phạm tội chưa bị tố giác, bị cáo T còn khai báo ra hành vi phạm tội của Lò Sào N; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, chỉ vì không hiểu biết pháp luật và do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thực tế bị cáo chỉ muốn tạo điều kiện cho mọi người có việc làm và bản thân cũng có thêm thu nhập cho gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T dưới khung hình phạt; đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H dưới khung hình phạt. Về án phí đề nghị miễn án phí cho hai bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Sào N trình bày: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo N về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên cũng cần xem xét mục đích tìm việc làm cho mọi người và bản thân cũng có thêm thu nhập để cải thiện cuộc sống. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Sào N 05 năm tù, đồng thời xét miễn án phí cho bị cáo N.

Khi trình bày lời nói sau cùng các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận do biết nhiều người dân ở Việt Nam có nhu cầu đi làm thuê tại Trung Quốc nên khi được Lùng Chúng D6 là người Trung Quốc đặt vấn đề với các bị cáo nếu đưa họ sang Trung Quốc làm thuê cho D6, các bị cáo sẽ được hưởng tiền công cao hơn hoặc công việc nhẹ hơn, nên trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến đầu năm 2019, bị cáo Trương Văn T cùng Mua Sào H đã đưa 21 người, Trương Văn T cùng Lò Sào N đưa 13 người, Trương Văn T trực tiếp đưa 3 người từ Việt Nam đi qua mốc 379 thuộc địa phận thôn P, Vàng Vằn T2, tỉnh Hà Giang sang Trung Quốc làm thuê cho Lùng Chúng D6 mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với lần đưa thứ 7, bị cáo Mua Sào H khai đưa 4 người có tên là Cho, vợ Cho ở xã N, huyện Q và Lử, C ở thôn K, xã T, huyện Q, cơ quan điều tra đã xác minh ở xã N và xã T nhưng không có ai có tên trên, nên chưa đủ căn cứ buộc các bị cáo Mua Sào H, Trương Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về lần đưa này. Đối với người tên Đ ở xã Q, huyện Q do Lò Sào N khai, cơ quan điều tra đã xác minh tại xã Quyết Tiến không xác định được ai có tên nêu trên do vậy không có căn cứ buộc bị cáo N và T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp này.

[4] Hành vi của các bị cáo Trương Văn T, Mua Sào H, Lò Sào N đã phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 349 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo Trương Văn T và Mua Sào H cùng nhau đưa 6 lần với 21 người, bị cáo Trương Văn T và Lò Sào N đưa 02 lần với 13 người, bị cáo Trương Văn T còn đưa 01 lần 3 người, như vậy hành vi của các bị cáo đều thuộc trường hợp "Đối với 11 người trở lên" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 của Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý hành C về lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quyền tự do cư trú của công dân. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc dụ dỗ, rủ rê, lôi kéo... người khác trốn ra nước ngoài mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định là vi phạm pháp luật nhưng đã lợi dụng địa hình biên giới phức tạp, lợi dụng sự sơ hở trong công tác quản lý biên giới của các cơ quan chức năng để đưa 37 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc lao động nhằm mục đích hưởng tiền công lao động cao hoặc việc làm nhẹ hơn. Các bị cáo đều có từ 02 lần trở lên tổ chức cho người khác sang Trung quốc làm thuê nên thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến vị trí, vai trò, nhân thân của các bị cáo cụ thể: Các bị cáo tham gia vụ án với vai trò là đồng phạm giản đơn, bị cáo Trương Văn T là người giúp sức cho Lùng Chúng D6 lo việc đón người và cho ăn nghỉ tại nhà T trước khi họ vượt biên sang Trung Quốc, trực tiếp tổ chức 01 lần cho 3 người, là đồng phạm với H và N trong các lần H và N đưa người sang Trung Quốc làm thuê, như vậy tổng số người T phải chịu trách nhiệm là 37 người; bị cáo Mua Sào H trực tiếp tổ chức 6 lần cho 21 người; bị cáo Lò Sào N trực tiếp tổ chức 02 lần với 13 người. Như vậy, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T phải cao hơn bị cáo H, kể đến là bị cáo N.

[8] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Văn T đã tự thú về hành vi tổ chức cho 3 người sang Trung Quốc và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra làm rõ hành vi phạm tội của Lò Sào N nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, t khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Mua Sào H đã tự mình khai nhận ra hành vi đưa người sang Trung Quốc của các lần 2,3,4,5,6 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tất cả những người mà bị cáo tổ chức để trốn đi Trung Quốc làm thuê đã trở về Việt Nam đầy đủ, an toàn; Riêng bị cáo T có bố là Trương Chính P được tặng thưởng kỷ niệm ch4 vì sự nghiệp giáo dục, tặng huy hiệu vì sự nghiệp phát triển tỉnh Hà Giang đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế được biệt khó khăn, khi tổ chức cho người khác đi Trung Quốc làm thuê chỉ với mục đích giúp họ có việc làm, thu nhập mà không vì lợi ích kinh tế từ họ, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Như vậy quan điểm của Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa về tội danh là phù hợp, cần được chấp nhận. Riêng quan điểm truy tố

và quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Sào N là không phù hợp, không được chấp nhận.

[11] Đối với Lùng Chúng D6 (*là chủ lao động người Trung Quốc*) là đối tượng chủ mưu, cầm đầu trong việc tổ chức cho người Việt Nam đi Trung Quốc làm thuê; Lùng Dẻo X (*chủ của Lùng Chúng D6, nhà ở Trung Quốc, khu vực giáp với biên giới Trung Quốc – Việt Nam*) là người được nhận tiền từ Lùng Chúng D6, sau đó đến nhà Trương Văn T ở thôn P, xã P, huyện Đ, để thanh toán tiền công đưa đón người lao động cho T. Tuy nhiên do Lùng Chúng D6 và Lùng Dẻo X là người có quốc tịch Trung Quốc nên Cơ quan ANĐT không đủ điều kiện điều tra, xác minh, thu thập thông tin về nhân thân, lai lịch, thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh vai trò của Lùng Chúng D6 và Lùng Dẻo X để làm rõ và xử lý trong vụ án.

[12] Đối với Lừu Thị H4, sinh năm 1986, trú tại thôn P, Vàng Vắn T2, tỉnh Hà Giang, là vợ của bị cáo Trương Văn T, được một vài lần giúp chồng đón người và giúp Mua Sào H gọi xe để đón người từ thị trấn P đi vào xã P, huyện Đ. H4 không biết và không được bàn bạc, thống nhất với ai về việc tìm và đưa người đi Trung Quốc làm thuê. Có một lần H4 được đi cùng chồng là Trương Văn T đến xã N, huyện Q đón người lao động và một lần H4 đi cùng T đến cổng chợ thị trấn T, huyện Q để trả tiền công cho người lao động, nhưng H4 đi cùng chồng để giải quyết việc riêng (*kết hợp học lái xe ô tô*), còn việc đón người và trả tiền công cho người lao động đều do T thực hiện. Do vậy, cơ quan điều tra xác định Lừu Thị H4 không đồng phạm cùng với Trương Văn T là có căn cứ.

[13] Đối với Dừng Hòa D2 trú tại thôn P, Vàng Vắn T2, tỉnh Hà Giang, là người làm nghề lái xe thuê, chuyên chở người từ thị trấn P đi vào xã P, huyện Đ để nhận tiền công mà không biết họ trốn đi nước ngoài trái phép nên Cơ quan ANĐT không xử lý hình sự đối Dừng Hòa D2 là có căn cứ.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Do những công dân được đưa sang Trung Quốc lao động làm thuê trái phép không nhận được tiền công lao động đầy đủ theo thỏa thuận đã viết đơn kiện đến Cơ quan Công an huyện Đ đề nghị bị can Trương Văn T và Mua Sào H trả tiền công lao động. Tuy nhiên việc đi lao động của các công dân này là bất hợp pháp, không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; Không có hợp đồng lao động; Bảng chấm công không có giá trị nên không có căn cứ để giải quyết về số tiền công lao động của những công dân này.

[15] Về số tiền 2.108.000^d (*Hai triệu một trăm linh tám nghìn đồng*) mà bị cáo T được hưởng do việc đưa đón người sang Trung Quốc làm thuê và số tiền 500NDT mà H được hưởng (vào cuối tháng 02/2019 âm lịch tức ngày 23/3/2019 dương lịch có tỷ giá 3.548,87đồng/01NDT) tương ứng là 1.774.000 đồng; đây là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần áp dụng điểm

b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo T, H phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[16] Về vật chứng gồm: 01 (một) tờ giấy có dòng kẻ ngang, dòng đầu tiên có chữ: “**những người nợ tiền T**” bằng chữ viết tay; 01 (một) tờ giấy có dòng kẻ ngang, dòng đầu tiên có chữ “**ứng tiền**” (2018), bằng chữ viết tay; 01 (một) tờ giấy có dòng kẻ ngang, dòng đầu tiên có chữ: “**đón người**” (2018), bằng chữ viết tay; 01 (một) quyển sổ có ô vuông màu xanh, không có bìa tại dòng đầu tiên của trang đầu tiên có dòng chữ “**ông P2: gửi về nhà 1000+100;** 01 (một) quyển sổ bìa màu trắng, hồng, bìa có dòng chữ GFRIEND KPOP; 01 (một) quyển sổ có bìa màu xanh, trên bìa có dòng chữ “Xuân SPRING”; 01 (một) quyển sổ có bìa màu vàng, trên bìa có dòng chữ GOT7 KPOP hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án nên không xem xét.

[17] Do các bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Mua Sào H, Lò Sào N phạm tội: Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, giam 26/5/2020.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mua Sào H 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, giam 28/02/2020.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Sào N 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, giam 16/6/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc: bị cáo Trương Văn T phải nộp lại số tiền 2.108.000^d (*Hai triệu một trăm linh tám nghìn đồng*), bị cáo Mua Sào H phải nộp lại số tiền 1.774.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Trương Văn T, Mua Sào H, Lò Sào N.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trương Văn T, Mua Sào H, Lò Sào N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC02, PC10, PV06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Huy Huân